

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST.

Ngày 31/7/2017.

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lưu Thị Tám**;

2. Ông **Trần Xương**.

Thư ký phiên tòa: ông **Lâm Thành Lũy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Xuân Mai** – Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2017, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2017 về *tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2017, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Kim P**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Bùi Văn Bé H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Kim P trình bày:

Vào năm 2002 bà P và ông Bùi Văn Bé H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện. Đến ngày 31/7/2009 đăng ký kết hôn và được UBND xã Phong Năm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01. Trong thời gian chung sống bà P và ông hai có 02 (hai) người con chung là cháu Trần Thị Ngân Hương, sinh ngày 27/10/2002 và cháu Bùi Thị Ngân Huỳnh, sinh ngày 14/01/2009, hiện nay hai cháu đang sống chung với bà P. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, nhận thấy, hôn nhân không thể tồn tại nên

bà P và ông H đã ly thân nhau từ tháng 5/2017 đến nay. Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có.

Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn Bé H, sinh năm 1980.

- Về con chung: Bà P xin nuôi 02 con chung là cháu Trần Thị Ngân Hương, sinh ngày 27/10/2002 và cháu Bùi Thị Ngân Huỳnh, sinh ngày 14/01/2009 hiện đang sống với bà, bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Bùi Thị Ngân Huỳnh, sinh ngày 14/01/2009 đến khi đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về hôn nhân: Bà giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn Bé H, sinh năm 1980.

- Về con chung: Bà P xin nuôi 02 con chung là cháu Trần Thị Ngân Hương, sinh ngày 27/10/2002 và cháu Bùi Thị Ngân Huỳnh, sinh ngày 14/01/2009 bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2017 bị đơn là ông Bùi Văn Bé H trình bày:*

Ông thừa nhận toàn bộ nội dung bà P trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng sự thật. Ông không phản đối, không phản tố. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P vì ông và bà P đã có mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống được nữa, H người đã ly thân nhau từ tháng 5/2017 đến nay. Ông đồng ý giao 02 con chung là cháu Trần Thị Ngân Hương, sinh ngày 27/10/2002 và cháu Bùi Thị Ngân Huỳnh, sinh ngày 14/01/2009 hiện đang sống với bà P cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng vì ông không có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng. Ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà P vì ông không có khả năng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Văn Bé H vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H, ông H đã có lời khai với Tòa án và có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần con chung: Bà P xin nuôi 02 con chung là cháu Trần Thị Ngân Hương, sinh ngày 27/10/2002 và cháu Bùi Thị Ngân Huỳnh, sinh ngày 14/01/2009 nhưng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con như

đơn khởi kiện ban đầu. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà P không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

2. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà P và ông H đều thừa nhận vợ, chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của bà P và ông H được công nhận là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà P nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại nên bà P yêu cầu ly hôn với ông H. Riêng về phía ông H, ông đồng ý ly hôn vì ông và bà P đã có mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống được nữa, H người đã ly thân nhau từ tháng 5/2017 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của H bên, khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải để động viên vợ, chồng hàn gắn chung sống lại nhưng ông H không tham dự. Tại phiên tòa hôm nay, bà P vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông H đã dẫn đến làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và phù hợp với kết quả Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn gia đình là thật trầm trọng đúng như lời trình bày của các bên. Do ông H vắng mặt tại phiên tòa các bên không tự thoả thuận được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cầu xin ly hôn của bà P.

- Về con chung: Bà P và ông H thừa nhận trong quá trình chung sống giữa bà P và ông H có 02 (hai) người con chung tên: Trần Thị Ngân Hương, sinh ngày 27/10/2002 và cháu Bùi Thị Ngân Huỳnh, sinh ngày 14/01/2009 hiện đang sống với bà P, ông H đồng ý giao cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng vì cháu Hương và cháu Huỳnh có nguyện vọng sống với bà P, tại phiên tòa bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Do ông H vắng mặt tại phiên tòa các bên không tự thoả thuận được với nhau về phần con chung nên cần giao cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hương và cháu Huỳnh là phù hợp, ông H không cấp dưỡng nuôi con vì bà P không yêu cầu. Do đó cần áp dụng các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà P.

Sau khi ly hôn ông Bùi Văn Bé H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Hương và cháu Huỳnh.

Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tất cả các nội dung trên đều được H bên đương sự thừa nhận là đúng sự thật nên các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Kim P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Nguyên đơn bà Trần Kim P và bị đơn ông Bùi Văn Bé H được ly hôn.

- **Về con chung:** Giao cháu Trần Thị Ngân Hương, sinh ngày 27/10/2002 và cháu Bùi Thị Ngân Huỳnh, sinh ngày 14/01/2009 hiện đang sống với bà P cho bà Phụng tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành vì cháu Hương và cháu Huỳnh có nguyện vọng sống với bà P, ông Bé H không cấp dưỡng nuôi con vì bà P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn ông Bùi Văn Bé H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Thị Ngân Hương và cháu Bùi Thị Ngân Huỳnh.

Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hương và cháu Huỳnh.

- **Về tài sản chung:** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc bà Trần Kim P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005793 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách. Như vậy bà P đã nộp đủ số tiền án phí. Ông Bùi Văn Bé H không chịu án phí.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Năm, huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình